

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12- PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11/8/2026;
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – PT

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Nguyên và ông Bùi Thanh Nhiên.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Duy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – PT

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12 – PT tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 288/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị M, sinh ngày 08/04/1988;

CCCD số 017188002836;

Địa chỉ: Thôn MD (xóm M cũ), xã T N, tỉnh PT

(Vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn Ng, sinh ngày 06/08/1986;

CCCD số 017086001867;

Địa chỉ: Thôn MD (xóm M), xã T N, tỉnh PT

(Vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/6/2026, tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn Ng đăng ký kết hôn ngày 01/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện CP, tỉnh HB cũ nay là xã T N - PT trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị M và anh Ng về chung sống tại thôn M D (xóm M cũ), xã T N, tỉnh PT. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của nhau, anh Ng hay uống rượu không làm chủ được bản thân, dẫn đến có hành vi bạo lực với vợ, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị M xác

định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Ng.

1.2. Về con chung: Chị M và anh Ng có 02 con chung là Bùi Quang H, sinh ngày 28/12/2005 và Bùi Duy Th (Tên gọi khác: Bùi Quang Th), sinh ngày 04/09/2007. Hiện tại cả hai con đều đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

1.3. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn Ng trốn tránh không hợp tác để giải quyết, Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Ng vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không thể ghi nhận được lời khai của anh Ng.

*** Qua xác minh tại người thân (02 con chung) trong gia đình của chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn Ng được biết:** Mâu thuẫn vợ chồng cơ bản là do quan điểm sống không hợp nhau, anh Ng hay uống rượu say không làm chủ được bản thân có hành vi bạo lực với vợ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của vợ dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Cả 02 con chung của chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn Ng là anh Bùi Quang H và anh Bùi Duy Th đều đề nghị Tòa giải quyết cho chị M được ly hôn với anh Ng.

3. Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – PT tại phiên tòa:

3.1. Về tố tụng:

- Người tiến hành tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, cơ quan Tòa án, Thẩm phán, Thư ký, các Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ đúng quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2025;

- Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các Điều 70, 71, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

3.2. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 51, 56, Luật hôn nhân gia đình; Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Bùi Văn Ng.

- Về con chung: Có 02 con chung các con đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự, chị M không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập;

- Về tài sản chung: Chị M xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết;
- Về công nợ chung: Chị M xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.
- Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
- Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn Bùi Thị M, Bị đơn Bùi Văn Ng có nơi cư trú tại thôn Môn Dài, xã T N, tỉnh PT. Chị M làm đơn xin ly hôn anh Ng, căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội (sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015); điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS - đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Phú Thọ.

- Nguyên đơn, bị đơn đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa hợp pháp nhưng cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa chấp nhận đề nghị và xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung, căn cứ các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp và Tòa thu thập được, thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 01/12/2006, do UBND xã BP nay là xã T N, tỉnh PT cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn Ng là hợp pháp. Trong quá chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc quan điểm sống không đồng thuận, anh Ng hay uống rượu say không làm chủ được bản thân dẫn đến có hành vi bạo lực với vợ. Xác minh qua người thân là các con chung của chị M và anh Ng cho thấy: Anh Ng và chị M không hợp nhau về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau, anh Ng hay uống rượu say về nhà chửi bới vợ con một cách vô cớ và có hành vi bạo lực với vợ, hiện tại chị M và anh Ng đã sống ly thân nhau, cả hai không còn quan tâm gì đến cuộc sống, sinh hoạt của nhau đúng như chị M đã trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Ng đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng anh Ng cố tình vắng mặt. HĐXX xét thấy: Hôn nhân giữa chị M và anh Ng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị M.

[3]. Về con chung: chị Bùi Thị M, anh Bùi Văn Ng có 02 con chung là Bùi Quang H, sinh ngày 28/12/2005 và Bùi Duy Th (Tên gọi khác: Bùi Quang Th), sinh

ngày 04/09/2007. Các con đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không đề cập.

[4]. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị M khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Nền HĐXX không xem xét.

[5]. Về công nợ chung: Chị M xác nhận không có công nợ chung. Nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7]. Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội (sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015); điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Bùi Văn Ng.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Bùi Quang H, sinh ngày 28/12/2005 và Bùi Duy Th (Tên gọi khác: Bùi Quang Th), sinh ngày 04/09/2007, hiện tại các cháu đã trưởng thành (đã trên 18 tuổi), sức khỏe các cháu tốt phát triển bình thường, không bị hạn chế về năng lực, hành vi trách nhiệm dân sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị M xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về công nợ chung: Chị Bùi Thị M xác nhận không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006199, ngày 24/6/2026, tại Thi hành án dân sự tỉnh PT.

6. Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc bản án được niêm yết công khai, theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- *VKSND tỉnh PT;*
- *TAND tỉnh PT;*
- *VKSNDKV 12;*
- *Phòng THADSKV 12;*
- *UBND xã T N;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Thịnh